TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/2019/HSST
Ngày: 01 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Ông Phạm Xuân Đính

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2019/HSST ngày 13 tháng 5 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/HSST-QĐ ngày 10/5/2019đối với bị cáo:

PHAN VĂN V, sinh năm 1985 tại Hà Tĩnh; Nơi cư trú: tổ 8, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh B, nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Phan Văn K và bà Dương Thị L, vợ Hoàng Thị G và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lê Văn N, sinh năm 1982; Địa chỉ nơi cư trú: tổ 9, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn V và anh Lê Văn N quen biết nhau vì V nhiều lần sửa xe mô tô và cầm cố tài sản ở cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ (tiệm) của anh N tại tổ 9, ấp 3B, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành. Do không có tiền tiêu xài, nên V đến các cơ sở kinh doanh mua bán bạc tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành mua bạc xi mạ màu vàng (vàng giả) cầm cố cho anh N nhằm chiếm đoạt tiền.

Cách thức thực hiện hành vi: Sau khi mua các nhẫn vàng giả tại các cơ sở kinh doanh mua bán bạc, V đến tiệm của anh N và nói dối các nhẫn vàng giả là vàng thật. Đồng thời, đưa cho anh N xem các thông tin giả được khắc bên trong các nhẫn vàng giả như: tuổi vàng (24K, 9999), trọng lượng vàng (0.5, 1, 5C – năm phân, 01 chỉ, 05 chỉ) để anh N nghĩ là vàng thật. V đưa ra số tiền mà anh N phải đưa cho V khi cầm cố các nhẫn vàng giả.

Trong các ngày 18, 19 tháng 01 năm 2019, với cách thức thực hiện hành vi như trên, V đã 03 lần lừa đảo chiếm đoạt 19.900.000 đồng của anh N, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 16 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2019, V đến tiệm bạc "Ngọc Châu" thuộc tổ 13, ấp 3B, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành của anh Trần Phương Duy làm chủ mua 01 chiếc nhẫn vàng giả và phía trong nhẫn không có khắc dấu tuổi, trọng lượng với giá 450.000 đồng (nhẫn có đính hột đỏ) và 01 chiếc nhẫn vàng giả có trọng lượng 0,5 chỉ, bên trong có khắc dấu "9999, 24k, 0.5" (khắc dấu) giá 80.000 đồng, sau đó V đến tiệm của anh N cầm cố các chiếc nhẫn mà V vừa mua. Tại đây, anh N đồng ý cầm cố chiếc nhẫn vàng giả có khắc dấu bên trong với số tiền là 1.500.000 đồng, còn chiếc nhẫn có đính hột đỏ do không có khắc dấu thì anh N không cầm cố. V hẹn 02 đến 03 ngày sau đến chuộc lại.

Lần thứ hai: khoảng 30 phút sau khi thực hiện xong lần thứ nhất , V tiếp tục quay lại tiệm bạc "Ngọc Châu" mua thêm 01 chiếc nhẫn vàng giả trọng lượng 01 chỉ, bên trong khắc dấu "9999. 24k, 1C" (khắc dấu) giá 80.000 đồng rồi đến gặp anh N để cầm cố chiếc nhẫn có khắc dấu và chiếc nhẫn có đính hột đỏ (chiếc nhẫn mà trong lần thứ nhất V đã cầm cố cho anh N nhưng anh N không cầm cố) và chiếc nhẫn có khắc dấu. Tại đây, anh N cầm cố chiếc nhẫn có khắc dấu với số tiền 3.400.000 đồng và tiếp tục không cầm chiếc nhẫn có đính hột đỏ.

Tổng số tiền 02 lần V chiếm đoạt được của anh N là 4.900.000 đồng, V đã tiêu xài hết.

Lần thứ 3: khoảng 16 giờ ngày 19 tháng 01 năm 2019, V đến tiệm bạc "Phượng Hoàng" tại tổ 1, ấp 3B, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành của chị Nguyễn Thị Phượng làm chủ mua 01 chiếc nhẫn vàng giả trọng lượng 05 chỉ, bên trong khắc dấu "9999, 24K, 5C" (khắc dấu) giá 500.000 đồng rồi đến gặp anh N để cầm cố với số tiền 15.000.000 đồng, anh N đồng ý. Để tránh bị anh N nghi ngờ, V chuộc lại 02 nhẫn vàng giả mà V cầm cố ngày 18 tháng 01 năm 2019, 01 dây chuyền bạc V đã cầm trước đó với số tiền 800.000 đồng, anh N đã đưa cho V 01 sợi dây chuyền bạc, 02 chiếc nhẫn vàng giả.

Do số tiền cầm cố nhiều, nên anh N kêu V ở tiệm chờ, rồi anh N đi đến tiệm vàng "Kim Ngọc" tại tổ 2, ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành của chị Đoàn Thị Vững làm chủ nhờ kiểm tra thì được biết chiếc nhẫn trên là vàng giả. Anh N nghi ngờ 02 chiếc nhẫn mà V cầm cố ngày 18 tháng 01 năm 2019 cũng là vàng giả, nên anh N về gặp V lấy 02 chiếc nhẫn đi thử tại tiệm "Kim Ngọc" thì phát hiện đều là vàng giả. Sau đó, V đã thừa nhận với anh N hành vi như đã nêu trên.

Tại kết luận giám định số: 1309/C09B, ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: 03 nhẫn kim loại màu vàng (01 to bản, 02 nhỏ bản) bên trong mỗi nhẫn đều có dập chữ và số, tổng trọng lượng 13,8361gam

được niêm phong gửi giám định, có thành phần kim loại chủ yếu là bạc (Ag): 89,40%, đồng (Cu): 3,2%

Vật chứng vụ án: 70.000 đồng

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 4.900.000 đồng. Người bị hại không có yêu cầu gì thêm

Bản cáo trạng số 55/Ctr-VKS ngày 10/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Phan Văn V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theokhoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà,đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả.Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề N Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Ý kiến của bị cáo:Bị cáo đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề N áp dụng với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhậntại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hạivà các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Do cần tiền để tiêu xài nên vào ngày 18tháng 01 năm 2019 Phan Văn V đã mua 03 nhẫn vàng giả và nói dối anh Lê Văn N là vàng thật để anh N cầm cố cho V. Với cách thức như trên V đã chiếm đoạt được của anh N số tiền 4.900.000 đồng. Ngày 19/01/2019 V cũng thực hiện hành vi trên để chiếm đoạt của anh N 15.000.000 đồng thì bị anh N phát hiện. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] về tình tiết tặng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt sản trong đó có 02 lần đủ định lượng nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính của gia đình,có con còn nhỏ, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,i, s khoản 1, khoản 2Điều 51 Bộ luật Hình sựnăm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề N của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm" và tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về vật chứng vụ án: Số tiền 70.000 đồng thu giữ của bị cáo được xác định là số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của anh N. Tuy nhiên, bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho anh N. Do đó, cần trả lại cho bị cáo.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 điều 52, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sữa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Phan Văn V 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/01/2019 đến ngày 28/01/2019

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Phan Văn V số tiền 70.000 đồng.

4. Về án phí:Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Hằng